

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp, bà Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông H Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST-DS ngày 05/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh C T, sinh năm 1986.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: xã N, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương G A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2022)

2. Bị đơn: Ông Cao V H, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Bà Huỳnh T S, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã N, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương G A trình bày:

Vào ngày 17/04/2021, ông Cao V H và bà Huỳnh T S cùng ông Trịnh C T, chủ Hộ kinh doanh T cùng nhau thỏa thuận và ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để ông H và bà S nuôi tôm.

Theo thỏa thuận thì ông T bán cho ông H và bà S các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Về phương thức thanh toán, ông H và bà S phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông T khi thu hoạch tôm, trường hợp ông H và bà S nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) thì không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông H và bà S theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng ông H và bà S đều không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ ông T. Tuy nhiên, ông H và bà S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2.2 của Hợp đồng. Cụ thể, vào ngày 02/12/2021, ông H và bà S đến cửa hàng của Hộ kinh doanh T để thông báo là 3 ao tôm sú của ông bà đã thu hoạch, tổng sản lượng khoảng 360 kg, giá: 143.000 đồng/kg, tổng số tiền thu được 51.480.000 đồng và thanh toán tiền hàng cho ông T là 37.000.000 đồng, khi ông T đề nghị ông H và bà S phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ còn thiếu là 37.494.000 đồng thì ông H và bà S đưa ra lý do 3 ao sú tôm chậm lớn nên thu, lời không được bao nhiêu, ông bà đang còn 2 ao tôm sú lớn dự kiến vào ngày 20/12/2021 thu hoạch sẽ thanh toán dứt điểm phần công nợ còn lại. Ngày 23/12/2021, ông H và bà S đến cửa hàng của Hộ kinh doanh T trả lại 1 bao thức ăn tôm trị giá 798.000 đồng, số tiền này đã được ông T căn trừ trực tiếp trong công nợ, khi ông T hỏi ao sú thu hoạch được bao nhiêu thì ông H và bà S không trả lời, lúc này ông bà cam kết chậm nhất đến ngày 30/12/2021 sẽ thanh toán 10.000.000 đồng. Đến ngày 30/12/2021, ông T liên hệ gặp ông H để nhắc kế hoạch thanh toán như cam kết trước đó thì ông H nói không có khả năng thanh toán. Như vậy, tính tới nay ông Cao V H và bà Huỳnh T S vẫn còn nợ ông T số tiền là 36.696.000 đồng.

Nay ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao V H và bà Huỳnh T S phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trịnh C T, là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền là 36.696.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn ông Cao V H và bà Huỳnh T S: Ông Cao V H và bà Huỳnh T S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Cao V H và bà Huỳnh T S đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông H và bà S vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Cao V H và bà Huỳnh T S.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Cao V H và bà Huỳnh T S trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 36.696.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng mua bán đề ngày 17/4/2021 ông H và bà S đã ký, “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ khách hàng” đề ngày 23/12/2021 công nợ là 36.696.000 đồng, khách hàng ông Cao V H đã ký; sổ ghi chép việc mua hàng có chữ ký của ông Cao V H, bà Huỳnh T S; Biên bản “Cam kết thanh toán về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán” đề ngày 23/12/2019, ông Cao V H đã ký.

Xét thấy, những chứng cứ nêu trên thể hiện số nợ cuối cùng ông H và bà S còn nợ lại là 36.696.000 đồng và đều có chữ ký xác nhận của ông H, bà S. Ông H và bà S đã được Tòa án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trịnh C T đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm cho bên mua là ông Cao V H và bà Huỳnh T S. Ông H và bà S đã nhận đủ tài sản do ông T chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông H và bà S chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T theo thỏa thuận và ông H và bà S còn nợ của ông T số tiền là 36.696.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trịnh C T đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu ông H và bà S trả số tiền nợ 36.696.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh C T đại diện Hộ kinh doanh T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Cao V H và bà Huỳnh T S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh C T là người đại diện Hộ kinh doanh T.

2. Buộc ông Cao V H và bà Huỳnh T S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Trịnh C T là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền nợ gốc là 36.696.000 đồng (ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009863 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Cao V H và bà Huỳnh T S phải liên đới nộp án phí dân sự là 1.834.800 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến